

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2018.

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Tạ Khắc Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 9/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1987.

ĐKKH: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh NB.

Hiện ở tại: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh NB.

- Bị đơn: Anh Bùi Như H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh NB.

(Chị D vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 17/6/2018 và trong bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày: Chị D và Anh Bùi Như H lấy nhau có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lạc ngày 06/12/2005 dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại xã Q, huyện N đến năm 2016 thì vợ chồng chị D làm nhà trên đất của bố mẹ anh H. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5-6 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có sử dụng ma túy, chơi bời và thường xuyên đánh đập vợ. Tháng 5/2018 Chị D đã xin ly hôn anh H 1 lần nhưng rút đơn để đoàn tụ nhưng Chị D và anh H vẫn mâu thuẫn.

Nay Chị D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh Bùi Như H vì tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống cũng không thể hạnh phúc.

Về con chung: Chị D và anh H có 03 con chung là cháu Bùi Như H1, sinh ngày 6/01/2006, cháu Bùi Như H2, sinh ngày 03/01/2007, cháu Bùi Như B, sinh ngày 03/9/2011. Hiện nay cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh H còn cháu B đang ở với chị D. Nếu ly hôn Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Như H2 và đồng ý để anh H trực tiếp nuôi cháu Bùi Như H1 và cháu Bùi Như B. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung- công nợ chung- quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ vụ án Anh Bùi Như H trình bày: Về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, diễn biến các quan hệ về tình cảm vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ chung phát sinh trong quá trình kết hôn giữa Chị D và anh H phù hợp với ý kiến trình bày của chị D. Anh H cũng xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị. Tuy nhiên, anh H cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, cuộc sống vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được nên anh không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về con chung- công nợ chung- quyền sử dụng đất canh tác chung: Quan điểm của anh đúng như Chị D đã trình bày.

Tại đơn xin xử vắng mặt: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Bị đơn không tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị D và Anh Bùi Như H;
- Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Như H1, sinh ngày 6/01/2006 và cháu Bùi Như B, sinh ngày 03/9/2011 cho Anh Bùi Như H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Bùi Như H2, sinh ngày 03/01/2007 cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh H còn cháu B đang ở với chị D. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung - Công nợ chung- quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị D và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét việc giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã thụ lý và hòa giải giữa chị Bùi Thị D và Anh Bùi Như H, anh H có đến Tòa án thể hiện quan điểm của mình và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã tổng đạt hợp pháp, đã hoãn phiên tòa 1 lần nhưng anh H không có mặt tại phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và Anh Bùi Như H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi sống chung họ cũng chỉ hạnh phúc với nhau cho đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo Chị D xác định là do anh H có sử dụng ma túy, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai người chính thức ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của Chị D phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã Q. Đủ chứng cứ để xác định tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị Dung, anh H không còn tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải và tại đơn xin xử vắng mặt Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại biên bản hòa giải anh H không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ tuy nhiên suốt thời gian từ tháng 1/2018 đến nay anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân anh cũng xác định từ thời điểm đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không trách nhiệm gì với nhau. Tháng 5/2018 Chị D đã xin ly hôn anh H 1 lần nhưng rút đơn để đoàn tụ nhưng Chị D và anh H vẫn mâu thuẫn.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị Dung, anh H có 03 con chung là các cháu Bùi Như H1, sinh ngày 6/01/2006, cháu Bùi Như H 2 , sinh ngày 03/01/2007, cháu Bùi Như B, sinh ngày 03/9/2011. Để đảm bảo quyền lợi của các cháu nhỏ và đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn, xét trên nguyện vọng của các cháu theo đơn gửi Tòa án. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và anh H trực

tiếp nuôi dưỡng cháu H1, cháu B để các cháu ổn định học hành hiện nay là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung - Công nợ chung- quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị D và anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị D và Anh Bùi Như H;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Như H1, sinh ngày 6/01/2006 và cháu Bùi Như B, sinh ngày 03/9/2011 cho Anh Bùi Như H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Như H2, sinh ngày 03/01/2007 cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. (Hiện nay cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh H còn cháu B đang ở với chị Dung). Chị D và anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị D phải chịu tiền án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2013/0000838 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy Chị D không phải nộp tiền án phí nữa.

4. Án xử công khai sơ thẩm, chị Dung, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q;
- Lưu HS./

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN ĐỨC HIỆP